

ĐÁNH GIÁ THỰC KẾT QUẢ HỌC TẬP TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC

GS. Nguyễn Đức Chính

Đại học Quốc gia Hà Nội

I. Những vấn đề chung về đánh giá thực

1. Đặt vấn đề

Trong kỉ nguyên kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế sâu sắc về tất cả các lĩnh vực, yêu cầu về nguồn nhân lực có khả năng cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt, quyết định sự thành bại của một quốc gia. Khả năng cạnh tranh của nguồn nhân lực phụ thuộc rất nhiều vào quá trình đào tạo của hệ thống giáo dục ĐH&CD của từng nước, nơi ngoài những năng lực nhận thức cơ bản về chuyên môn, phải rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng sống, làm việc trong môi trường thực, luôn thay đổi và nhiều thử thách.

Hiện nay, nền giáo dục đại học Việt Nam đang tiến hành một quá trình đào tạo mang tính hàn lâm, không tạo ra sự khát khao trong học tập để có thể cho ra trường những công dân của thế kỉ 21. Trong quá trình đào tạo ấy, việc kiểm tra – đánh giá kết quả học tập - một khâu trọng yếu chỉ được tiến hành thông qua những hình thức truyền thống như các câu hỏi TNKQ hoặc TNTL. Những bài kiểm tra – đánh giá kiểu này chỉ đòi hỏi sinh viên miêu tả lại những sự kiện riêng rẽ, hiếm khi yêu cầu sinh viên vận dụng những kiến thức đã học vào một tình huống thực trong cuộc sống. Và kết quả là nguồn nhân lực được đào tạo trong bối cảnh như vậy không có khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong kỉ nguyên hội nhập kinh tế thế giới.

Một vấn đề được đặt ra là quá trình đào tạo bậc đại học Việt Nam không thể tự hài lòng với những kiến thức và kĩ năng cơ bản và tối thiểu như hiện nay, mà phải gắn chặt hơn nữa những kiến thức, kĩ năng mà sinh viên học được trong trường đại học với những gì cuộc sống thực yêu cầu ở họ. Các trường đại học phải giúp sinh viên phát triển những kĩ năng, những năng lực trong cuộc sống thực, bối cảnh thực và những sinh viên tốt nghiệp phải trình diễn được những năng lực được đánh giá bằng các bài kiểm tra – đánh giá thực, chứ không phải bằng giấy bút như hiện nay.

Với những lí do như vậy, người viết có ý định giới thiệu một hình thức kiểm tra – đánh giá có sử dụng kĩ thuật đánh giá thực nhằm liên kết các hoạt động ở lớp học với những năng lực sinh viên cần trong cuộc sống sau này.

2. Đánh giá thực là gì?

- Đánh giá thực là một hình thức đánh giá trong đó người học được yêu cầu thực hiện những nhiệm vụ thực sự diễn ra trong cuộc sống, đòi hỏi phải vận dụng một cách có ý nghĩa những kiến thức, kĩ năng thiết yếu (J. Mueller).
- Đánh giá thực “đó là những vấn đề, những câu hỏi quan trọng, đáng làm, trong đó người học phải sử dụng kiến thức để thiết kế những hoạt động một cách hiệu quả và sáng tạo. Những nhiệm vụ đó có thể là sự mô phỏng lại hoặc tương tự như những vấn đề mà một công dân trưởng thành, những nhà chuyên môn phải đối diện trong cuộc sống (Grant Viggins).

Thông thường, một bài đánh giá thực bao gồm những nhiệm vụ mà sinh viên phải hoàn thành và một bản miêu tả những tiêu chí đánh giá việc hoàn thành những nhiệm vụ đó (Rubric).

3. Đánh giá thực và đánh giá truyền thống

3.1. Đánh giá truyền thống

Có nhiều hình thức đánh giá mà các giảng viên thường sử dụng để đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Có 2 hình thức chính là các bài thi TNKQ và TNTL (trong đó, có TNTL có cấu trúc).

Các bài thi dùng câu hỏi TNKQ chỉ yêu cầu sinh viên chọn câu trả lời đúng trong 4-5 phương án chọn (hoặc 1 vài hình thức khác như điền khuyết, ghép đôi v.v.). Mặc dù các câu hỏi TNKQ thường chỉ kiểm tra được các kĩ năng tư duy bậc thấp (tái hiện, vận dụng) song những người cổ vũ cho hình thức đánh giá này vẫn cho rằng các bài TNKQ cũng có khả năng làm bộc lộ kĩ năng tư duy bậc cao của sinh viên. Ngoài ra, bài TNKQ rất dễ chấm điểm một cách chính xác và khách quan, rất thuận lợi cho các giảng viên là những người luôn không có đủ thời gian.

Các bài TNTL cũng là hình thức đánh giá được dùng khá phổ biến. Câu hỏi tự luận cấu trúc yêu cầu sinh viên phải tự viết câu trả lời trong một giới hạn từ nhất định (câu trả lời ngắn hoặc bài luận ngắn – essay).

Hình thức kiểm tra – đánh giá bằng bài luận có một nhược điểm lớn là rất khó đánh giá và cho điểm một cách khách quan và công bằng.

3.2. Đánh giá thực (hay còn gọi là đánh giá sự thực hiện – performance assessment)

Đầu những năm 1990 nhiều nhà làm chính sách giáo dục của Mỹ không hài lòng với loại đánh giá truyền thống bằng giấy bút đã tìm ra một hình thức đánh giá khác, hiệu quả hơn. Hình thức đánh giá này cho phép thu hẹp khoảng cách giữa những gì sinh viên học được trong trường với những điều đang diễn ra trong cuộc sống thực.

Đánh giá thực được thực hiện trong một quá trình trong đó giảng viên sử dụng bài thi hay một nhiệm vụ mà sinh viên phải hoàn thành để thu thập thông tin về cách thức mà họ thực hiện nhiệm vụ đó.

Đặc trưng của đánh giá thực là:

- Yêu cầu sinh viên phải kiến tạo 1 sản phẩm chứ không phải chọn hay viết ra 1 câu trả lời đúng.
- Đo lường cả quá trình và cả sản phẩm của quá trình đó.
- Trình bày 1 vấn đề thực – trong thế giới thực cho phép sinh viên bộc lộ khả năng vận dụng kiến thức vào tình huống thực tế.
- Cho phép sinh viên bộc lộ quá trình học tập và tư duy của họ thông qua việc thực hiện bài thi.

Đây chính là sự ưu việt của đánh giá thực, một hình thức đánh giá được cả mức độ nhận thức nội dung kiến thức cả về quá trình vận dụng kiến thức đó vào cuộc sống.

4. Phân biệt đánh giá truyền thống và đánh giá thực

Đánh giá truyền thống và đánh giá thực có nhiều hình thức thực hiện khác nhau, song có thể phân biệt 2 kiểu đánh giá thông qua những đặc trưng cơ bản của chúng.

Đánh giá truyền thống	Đánh giá thực
Lựa chọn/viết câu trả lời	Trình diễn hoàn thành 1 nhiệm vụ
Mô phỏng	Trong đời sống thực
Tái hiện / tái nhận	Kiến tạo / vận dụng
Do giảng viên làm	Do sinh viên làm
Minh chứng gián tiếp	Minh chứng trực tiếp

- Lựa chọn / viết câu trả lời đúng - Hoàn thành một nhiệm vụ.

Trong đánh giá truyền thống, sinh viên phải chọn hoặc tự viết 1 câu trả lời đúng. Còn đánh giá thực yêu cầu sinh viên thể hiện sự hiểu biết thông qua việc hoàn thành 1 nhiệm vụ phức tạp hơn mang tính vận dụng điển hình và có ý nghĩa thực tế.

➤ Mô phỏng - Đời sống thực

Trong đánh giá truyền thống, việc chọn hoặc viết 1 câu trả lời đúng rất ít khả năng chỉ ra được năng lực mà sinh viên có thể thực hiện được ngoài nhà trường. Những bài trắc nghiệm mô phỏng như vậy có thể giúp tăng số lần sinh viên phải trình bày một kỹ năng trong thời gian hạn chế. Còn đánh giá thực yêu cầu sinh viên trình diễn năng lực của họ trong 1 công việc cụ thể.

➤ Tái hiện/tái nhận - Kiến tạo/vận dụng

Một bài TN truyền thống (TNKQ – TNTL) được thiết kế tốt có thể đánh giá hiệu quả của quá trình nhận thức của sinh viên, và cũng có thể tái nhận hay tái hiện một vấn đề gì đó trong cuộc sống thực. Tuy nhiên, việc trình diễn lại những gì sinh viên biết trong cuộc sống không nói lên năng lực của họ khi phải kiến tạo ra một sản phẩm hoặc thực hiện một nhiệm vụ quan trọng trong 1 bối cảnh thực. Đánh giá thực thường yêu cầu sinh viên phải phân tích, tổng hợp một cách có phê phán những kiến thức họ học được trong bối cảnh thực và trong quá trình đó họ sáng tạo ra ý tưởng mới.

➤ Do giảng viên thiết kế - Do sinh viên thiết kế

Một bài trắc nghiệm truyền thống (TNKQ – TNTL) thường do giảng viên thiết kế một cách cẩn thận. Chất lượng bài trắc nghiệm (độ khó, độ phân biệt của câu trắc nghiệm, độ giá trị, độ tin cậy của bài trắc nghiệm) tùy thuộc vào năng lực thiết kế của giảng viên. Sinh viên chỉ cần tập trung vào những gì có trong bài trắc nghiệm.

Đánh giá thực cho phép sinh viên có nhiều lựa chọn trong việc kiến tạo và xác định những gì họ sẽ trình bày như một minh chứng về năng lực thật của họ. Ngay cả khi sinh viên không thể xác định được cách trình bày thì họ cũng có rất nhiều con đường khả dĩ khác để kiến tạo 1 sản phẩm. Đương nhiên, một bài trắc nghiệm do giảng viên thiết kế cũng có những ưu nhược điểm của nó. Một bài đánh giá thực do sinh viên tự thiết kế cũng có những điểm mạnh, điểm yếu mà người giảng viên phải xem xét trong quá trình lựa chọn và giao các nhiệm vụ để đánh giá.

➤ Minh chứng gián tiếp – Minh chứng trực tiếp

Khi sinh viên chọn và ngay cả khi họ tự sáng tạo ra một câu trả lời đúng trong 1 bài đánh giá kiểu truyền thống thì ta cũng không biết gì nhiều về sinh viên đó. Có phải do sinh viên đoán mò? Cách tư duy nào giúp sinh viên trả lời đúng câu hỏi? Cùng lắm chúng ta có thể dự báo sinh viên đó có thể biết cái gì và có thể làm gì với những kiến thức đó. Đây mới

chỉ là những minh chứng gián tiếp, nhất là khi cuộc sống đòi hỏi phải có những vận dụng phức tạp, linh hoạt và sáng tạo những kiến thức hàn lâm học được trong trường.

Đánh giá thực cung cấp những minh chứng trực tiếp hơn về việc vận dụng, kiến tạo những kiến thức mới. Thí dụ: để đánh giá năng lực tư duy phê phán của sinh viên thì yêu cầu họ viết một bài phê bình một hiện tượng nào đó đang diễn ra trong cuộc sống sẽ cung cấp những minh chứng trực tiếp về kỹ năng này hơn là yêu cầu họ trả lời một loạt các câu hỏi.

5. Kết hợp đánh giá truyền thống và đánh giá thực

Đánh giá truyền thống và đánh giá thực không loại trừ nhau, mà ngược lại, bổ sung cho nhau nhằm đánh giá một cách toàn diện và chính xác nhất việc đạt mục tiêu của chương trình khoá học, môn học hay bài học.

Mục tiêu của chương trình khoá học, môn học hay bài học có thể ở nhiều lĩnh vực khác nhau (nhận thức, tình cảm, kỹ năng, năng lực v.v.) và cũng không phải mục tiêu nào cũng yêu cầu sinh viên phải trình diễn năng lực vận dụng kiến thức hay kỹ năng. Thí dụ, mục tiêu của bài học chỉ là nắm vững kiến thức nào đó, thì một vài câu hỏi nhiều lựa chọn hoặc câu trả lời ngắn có thể đánh giá được mức độ đạt mục tiêu này. Nhưng để đánh giá năng lực hoàn thành một công việc, trình diễn 1 kỹ năng như hoàn thành 1 sản phẩm, kết thúc 1 quá trình, phát triển 1 hệ thống, giải quyết 1 vấn đề, trình bày 1 vấn đề, soạn thảo 1 báo cáo, vận hành 1 cỗ máy v.v. thì đánh giá thực là lựa chọn tối ưu của các giảng viên.

6. Các kiểu đánh giá và sự tác động của nó tới việc lựa chọn phương pháp dạy học

Một trong những chức năng cơ bản của đánh giá là định hướng. Hai kiểu đánh giá như trình bày ở trên có tác động không nhỏ tới việc sử dụng các phương pháp dạy học khác nhau để có thể hoàn thành bài thi.

Theo mô hình đánh giá truyền thống, giảng viên được khuyến khích dạy học để sinh viên trả lời được những kiểu câu hỏi thường gặp trong các bài kiểm tra – thi khác nhau. Thông thường, 1 bài trắc nghiệm truyền thống chỉ bao gồm một số mẫu kiến thức nhất định trong vô số kiến thức, kỹ năng được dạy trong chương trình, để rồi từ đó phỏng đoán mức độ nắm vững kiến thức về tất cả những gì liên quan. Nếu giảng viên trong quá trình dạy học tập trung chủ yếu vào các mẫu kiến thức sẽ được thi thì việc trình diễn tốt kiến thức có liên quan tới những mẫu đó không có nghĩa đã phản ánh kiến thức về toàn bộ môn học. Do vậy, những mẫu kiến thức sẽ có trong bài thi bao giờ cũng được bảo mật nghiêm ngặt, và kết quả là giảng viên không được phép dạy những gì sẽ thi.

Với mô hình đánh giá thực, giảng viên được khuyến khích để dạy những gì sinh viên phải thi để họ thi tốt. Sinh viên cần học để thực hiện tốt những nhiệm vụ có ý nghĩa thực. Để hỗ trợ sinh viên thực hiện tốt những nhiệm vụ này, trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần chỉ cho sinh viên biết cách thực hiện nào là tốt, cách nào là không tốt. Ngoài ra, trước đó, sinh viên còn được cung cấp một bản liệt kê những tiêu chí cần đạt để được đánh giá cao nhất (Rubric). Và một khi sinh viên biết thế nào là hoàn thành tốt một nhiệm vụ, biết những dấu hiệu (minh chứng) đặc trưng của việc hoàn thành tốt nhiệm vụ, họ sẽ phát huy những kiến thức, kỹ năng cần thiết đã được học để hoàn thành tốt nhiệm vụ đó.

Ngoài ra, đánh giá đích thực còn khuyến khích tích hợp việc dạy - học với kiểm tra – đánh giá. Đánh giá truyền thống thường tách rời khỏi quá trình dạy học, tức là bài trắc nghiệm (bài thi, kiểm tra) chỉ được tiến hành khi các kiến thức, kỹ năng đã được giảng dạy xong. Trong mô hình đánh giá thực, một nhiệm vụ thực được dùng để đo lường, đánh giá năng lực vận dụng kiến thức của sinh viên, đồng thời, cũng được dùng như một phương tiện để sinh viên học tập. Thí dụ, khi đưa ra một vấn đề để sinh viên giải quyết, sinh viên sẽ học được nhiều điều trong quá trình tìm ra các giải pháp, còn giảng viên hỗ trợ sinh viên trong quá trình đó. Và các giải pháp do sinh viên tìm ra để giải quyết vấn đề trở thành bài làm giúp giảng viên đánh giá sinh viên đã vận dụng kiến thức một cách có ý nghĩa như thế nào.

Mặt khác, đánh giá thực là động lực để sinh viên thể hiện những cách thức hoàn thành một nhiệm vụ một cách đa dạng. Những sinh viên khác nhau có những điểm mạnh, điểm yếu khác nhau, do vậy, họ cũng có những cách trình diễn những gì họ học được bằng những cách khác nhau. Trong mô hình đánh giá truyền thống, sinh viên ít có cơ hội để trình diễn những gì họ học được bằng nhiều cách khác nhau.

Tuy nhiên, bài trắc nghiệm được thiết kế tốt cho phép xác định vị trí của từng sinh viên so với những sinh viên khác trong cùng một lĩnh vực.

Như đã nói ở trên, 2 kiểu đánh giá truyền thống và đánh giá thực không loại trừ nhau, mà bổ sung cho nhau, đảm bảo có những kiểu đánh giá đa dạng, nhiều biến thể để sao cho đủ số mẫu cần thiết và đủ các công cụ đo để có thể đo lường đánh giá chính xác kết quả học tập của sinh viên, để giúp họ tiến bộ không ngừng và đặc biệt là giúp họ gắn kết những kiến thức, kỹ năng học được trong nhà trường với đời sống thực và khi họ ra trường họ sẽ sẵn sàng tham gia vào cuộc sống lao động.

II. Xây dựng một bài đánh giá thực

Một bài đánh giá thực được tiến hành theo 4 bước

Bước 1 – Xác định chuẩn - điều sinh viên cần và có thể thực hiện.

Bước 2 – Xây dựng nhiệm vụ - điều sinh viên phải thực hiện để chứng tỏ đã đạt chuẩn

Bước 3 – Xác định các tiêu chí - những dấu hiệu đặc trưng cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ

Bước 4 – Xây dựng bảng hướng dẫn nhằm phân biệt các mức độ hoàn thành, mức độ đạt các tiêu chí (Rubric) [holistic, analytic].

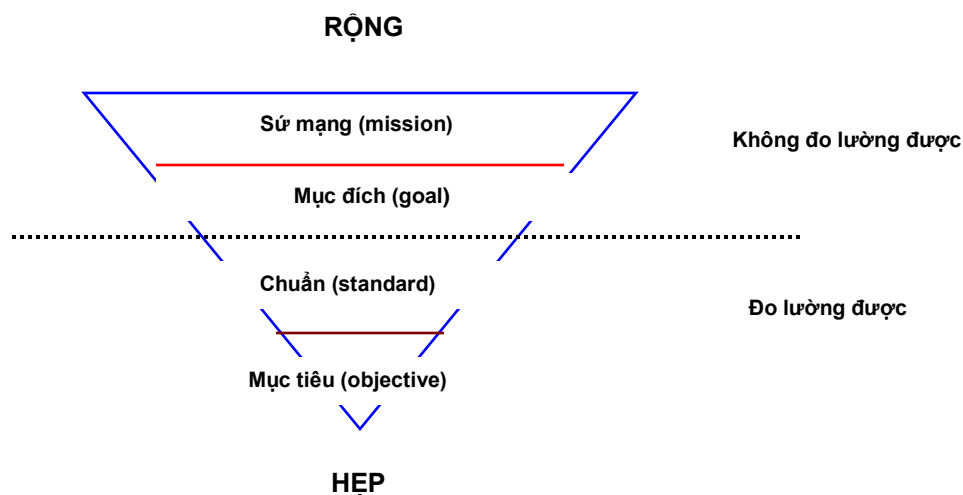
Bước 1: Xác định chuẩn

1.1. Chuẩn và các khái niệm liên quan

Đối với bất kỳ kiểu đánh giá nào, truyền thống hay đánh giá thực, việc đầu tiên quan trọng nhất là phải xác định chúng ta định kết thúc ở đâu, sinh viên phải làm gì sau một giai đoạn học tập.

Một bài đánh giá không thể cung cấp những thông tin có giá trị nếu nó không đo được cái định đo, và nó sẽ không đo được cái định đo nếu mục đích của sự đo không xác định tường minh! Do vậy, nếu không xác định được rõ ràng mục đích, mục tiêu của việc học tập thì mọi bước tiếp theo đều vô ích.

Chuẩn chính là lời tuyên bố về cái sinh viên cần biết và có thể làm được. Tuy nhiên, so với mục đích, *chuẩn* có phạm vi hẹp hơn, dễ thay đổi hơn trong cách đánh giá (*xem sơ đồ*):



Trong sơ đồ trên ta thấy được mối quan hệ giữa sứ mạng – mục đích – chuẩn – mục tiêu - mối quan hệ của các khái niệm từ rộng, không đo lường được, đánh giá được tới các khái niệm hẹp dần, đo lường, đánh giá và quan sát được.

Sứ mạng là tuyên bố rộng và chung nhất của một trường đại học hay trường phổ thông về những gì sinh viên của họ cần biết và có thể làm được khi ra trường. Sứ mạng được công bố cho toàn thể xã hội biết về tôn chỉ, mục đích giáo dục của nhà trường đó.

Một thí dụ về *sứ mạng* của trường THPT Mueller: “*Toàn thể học sinh của trường Mueller sẽ trở thành người biết giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả...*”.

Đây là điểm khởi đầu của mọi hoạt động trong trường: hoạt động dạy-học, phương pháp dạy-học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập các môn học... đều được thiết kế và tiến hành sao cho học sinh của họ trở thành những người biết giao tiếp, biết hợp tác và biết giải quyết vấn đề một cách hiệu quả ở từng môn học, bài học cụ thể.

Tuyên bố về sứ mạng đó cũng giúp kiểm tra đánh giá các hoạt động khác của nhà trường có phục vụ cho việc hoàn thành sứ mạng đó hay không.

Sứ mạng sẽ được cụ thể hoá một bước thành tập hợp các mục đích (goal). *Mục đích* hẹp hơn sứ mạng song vẫn đủ rộng cho một bài học hay cấp học, xác định những kỳ vọng chung đối với sinh viên, học sinh ở cấp học đó.

Sứ mạng và *mục đích* thường chỉ cung cấp những kỳ vọng mang tính định hướng, không đo lường đánh giá và quan sát được.

Mục đích được chia nhỏ hơn thành các *chuẩn*. Nếu mục đích là những kỳ vọng chung cho một cấp học thì *chuẩn* có xu hướng cụ thể hoá cho một lớp học ứng với một đơn vị nội dung (1-2 chương) và một đơn vị thời gian (2-3 tuần).

Ở cuối sơ đồ là *mục tiêu*, là sự cụ thể hoá hơn nữa các *chuẩn* cho từng bài học. Mỗi bài học có thể có 1-2 *chuẩn* với nhiều *mục tiêu*.

Khác với sứ mạng và mục đích, *chuẩn* và *mục tiêu* được xây dựng dưới dạng hành vi quan sát được, đo lường đánh giá được.

Đối với *đánh giá thực* thì khái niệm *chuẩn* phù hợp hơn cả, bởi lẽ cũng như mục tiêu, *chuẩn* là những phát biểu có thể quan sát được, đánh giá được, là điều kiện thiết yếu để xây dựng nhiệm vụ thực. Hơn nữa, *chuẩn* có phạm vi bao quát một đơn vị nội dung lớn hơn bài học và có thời gian dài hơn, phù hợp hơn với việc thiết kế một bài đánh giá thực.

Vì vậy, một bài đánh giá thực thường được bắt đầu từ việc tập hợp các chuẩn cần đánh giá. Tập hợp các chuẩn bao gồm cả *chuẩn nội dung*, cả kỹ năng sống khác như tư duy phê phán, năng lực giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác... mà hệ mục tiêu các bài học không bao quát được.

1.2. Các loại chuẩn: Có 3 loại chuẩn:

- Chuẩn nội dung
- Chuẩn quá trình
- Chuẩn giá trị

1.2.1. Chuẩn nội dung

Chuẩn nội dung là một tuyên bố miêu tả những gì sinh viên phải biết, hoặc có thể làm được trên cơ sở một đơn vị nội dung của một môn học hoặc có thể của 2 môn học gần nhau.

Thí dụ: “*Sinh viên có thể miêu tả hiệu ứng của hoạt động thể chất lên cơ thể*”

“*Sinh viên có thể trình bày thông tin về việc làm bằng ngôn ngữ đang học*”

“*Sinh viên có thể phân biệt được các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập*”...

1.2.2. Chuẩn quá trình

Chuẩn quá trình là một tuyên bố miêu tả những kỹ năng mà sinh viên phải rèn luyện để cải thiện quá trình học tập. Chuẩn quá trình là những kỹ năng cơ bản để áp dụng cho tất cả các môn học mà không chỉ riêng cho môn nào.

Thí dụ: “*Sinh viên có thể xác định được những mục đích khả thi cho hoạt động học của bản thân*”

“*Sinh viên có thể chấp nhận ý tưởng của người khác*”

“*Sinh viên có thể tìm được và đánh giá được những thông tin liên quan đến môn học*”...

1.2.3. Chuẩn giá trị

Chuẩn giá trị là một tuyên bố miêu tả những phẩm chất mà sinh viên cần rèn luyện trong quá trình học tập.

Thí dụ: “*Sinh viên biết tôn trọng sự khác biệt về quan điểm trong một cộng đồng*”

“*Sinh viên có thể chấp nhận sự mạo hiểm một cách có trách nhiệm*”

“*Sinh viên có thể đảm nhận những nhiệm vụ mang tính thách thức*”...

Bước 2: Xác định nhiệm vụ thực

Nhiệm vụ thực là một bài tập được thiết kế để đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng do chuẩn xác định và giải quyết những thách thức trong thế giới thực.

Nói cách khác, một nhiệm vụ mà sinh viên phải hoàn thành được coi là nhiệm vụ thực khi:

- Sinh viên được yêu cầu tự kiến tạo câu trả lời của mình chứ không phải lựa chọn một câu trả lời đúng;
- Nhiệm vụ đó mô phỏng lại những thách thức mà sinh viên phải đối diện trong thế giới thực.

Trong nhà trường, thường chúng ta chỉ quan tâm đến lượng kiến thức mà sinh viên thu nhận được chứ ít khi đánh giá được họ sẽ sử dụng những kiến thức đó trong cuộc sống ra sao. Do vậy một bài thi chỉ có ý nghĩa khi nó yêu cầu sinh viên thực hiện một nhiệm vụ thực.

Ngoài ra, như đã nói ở trên, những nhiệm vụ này không chỉ để đánh giá. Hình thức đánh giá này khuyến khích tích hợp dạy, học với đánh giá. Trong mô hình đánh giá truyền thống quá trình dạy học thường tách rời khỏi khâu đánh giá, tức là bài thi được tổ chức sau khi quá trình dạy học đã kết thúc. Còn trong mô hình đánh giá thực, cùng một nhiệm vụ được sử dụng để đo lường năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng được học của sinh viên và đồng thời được dùng như một phương tiện, công cụ để dạy học.

Các kiểu nhiệm vụ thực.

Đánh giá truyền thống dùng để đánh giá sự tiếp nhận kiến thức, kỹ năng của sinh viên và thường được xây dựng từ những câu hỏi nhiều lựa chọn và một số câu tự luận kiến tạo. Ngược lại, đánh giá thực bao gồm những nhiệm vụ như trình diễn, sản phẩm và cả những câu hỏi kiến tạo đòi hỏi sinh viên có sự vận dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng vào đời sống thực.

Những kiểu nhiệm vụ thực có thể là:

- *Câu hỏi kiến tạo*

Để trả lời câu hỏi này sinh viên phải kiến tạo những câu trả lời trên cơ sở kiến thức, kỹ năng đã được học. Thông thường không có 1 câu trả lời chính xác duy nhất cho loại câu hỏi này. Sinh viên kiến tạo câu trả lời có thể rất khác nhau. Đặc trưng của loại câu hỏi kiến tạo là có nội dung hẹp, định hướng cách trả lời, có giới hạn về độ dài. Tuy nhiên, do sinh viên phải tự kiến tạo kiến thức mới nên ít nhiều cũng bộc lộ năng lực tư duy của họ. Khác với những bài tập lựa chọn câu trả lời đúng, trong trường hợp này giảng viên có thể ít nhiều nhận ra năng lực tư duy của sinh viên.

Một số ví dụ về kiểu bài tập này:

- Câu hỏi – bài luận ngắn (essay)
- Bài tập mô phỏng

- Bản đồ khái niệm
- Thuyết trình theo sơ đồ
- Thực hiện các bước chuẩn bị làm một thí nghiệm
- Viết một trường đoạn kịch bản

- *Bài tập thực - sản phẩm*

Để hoàn thành loại bài tập này (assignment) sinh viên phải kiến tạo một sản phẩm cụ thể, có giá trị, bằng chứng của sự vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học, và/hoặc khả năng ứng dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá những kiến thức, kỹ năng đó. Cũng như các câu hỏi kiến tạo, sinh viên phải tự viết ra câu trả lời, tuy nhiên sản phẩm này thường rộng và sâu hơn, có độ lớn hơn, sâu sắc hơn, cần nhiều thời gian hơn.

- Bài tập lớn, truyện ngắn, bài thơ
- Báo cáo khoa học
- Báo cáo về một thí nghiệm
- Bài báo
- Poster...

Kiểu bài tập này có thể được thiết kế dưới dạng “hoàn thành một nhiệm vụ”. Để thực hiện kiểu bài tập này sinh viên phải hoàn thành một nhiệm vụ để chứng tỏ mức độ nắm vững các kiến thức, kỹ năng, hay khả năng vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá những kiến thức, kỹ năng đó. Loại bài tập này cũng đòi hỏi kiến thức rộng, sâu, cần nhiều thời gian.

- Thực hiện một thí nghiệm
- Trình diễn 1 vở kịch, điệu múa
- Tranh luận
- Thi đấu thể dục, thể thao
- Trình bày trước cử tọa
- Dự án, đồ án

Bước 3: Xác định các tiêu chí đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ

Tiêu chí là những chỉ số (những đặc trưng) của việc hoàn thành tốt nhiệm vụ, giúp trả lời câu hỏi: *Chúng ta sẽ đánh giá sinh viên hoàn thành nhiệm vụ đó như thế nào?*

Để trả lời câu hỏi này cần xây dựng những tiêu chí đặc trưng riêng cho việc hoàn thành tốt nhiệm vụ. Giảng viên sẽ dùng các tiêu chí này để đánh giá sinh viên đã hoàn thành nhiệm vụ ở mức nào, tức là họ đáp ứng *chuẩn* ở mức nào.

Thí dụ: *Bài kiểm tra thực môn Toán*

Có 6 chuẩn trong bài kiểm tra này:

- Sử dụng công cụ, phương pháp, đơn vị đo phù hợp để đo được kích thước một vật
- Xác lập và giải thích được tỉ lệ
- Xác định được các mẫu thang đo
- Ước tính được tổng giá trị và xác định được mức độ chính xác cần thiết
- Tổ chức tài liệu
- Giải thích quá trình tư duy

Để đánh giá việc đạt các chuẩn nêu trên giảng viên giao một nhiệm vụ như sau:

Sắp xếp đồ đạc trong phòng

Bạn muốn sắp xếp lại đồ đạc trong phòng, song bố mẹ bạn không nghĩ đó là ý tưởng hay. Để có thể thuyết phục bố mẹ sắp xếp lại đồ đạc, bạn phải thiết kế một mô hình tỷ lệ hai chiều để xem sau khi sắp xếp lại đồ đạc căn phòng sẽ như thế nào?

Trình tự các bước:

- *Trước hết bạn cần đo các chiều của sàn căn phòng bạn muốn sắp xếp lại đồ đạc, bao gồm cả vị trí, kích thước của cửa sổ, cửa ra vào. Bạn cần đo cả khoảng không gian đang đặt từng món đồ trong phòng. Tất cả những kích thước này được ghi chép lại cẩn thận.*
- *Sau đó sử dụng các tỉ lệ đã cho để tính toán mối tương quan giữa căn phòng và từng món đồ.*
- *Tiếp theo bạn thiết kế căn phòng theo tỷ lệ có đánh dấu các cửa sổ, cửa ra vào lên tờ giấy khổ lớn.*
- *Sau đó bạn vẽ các món đồ theo tỷ lệ lên giấy cứng và cắt rời ra*
- *Tiếp theo bạn sắp xếp mô hình các món đồ vào chỗ bạn muốn trên bản thiết kế và đánh dấu.*
- *Cuối cùng bạn viết lời giải thích ngắn gọn vì sao các món đồ lại được sắp xếp lại như vậy trên mô hình của bạn.*

Mô hình của sinh viên cùng bản thuyết minh sẽ được treo trong lớp và cả lớp sẽ bình chọn mô hình tốt nhất.

Như vậy ta có thể thấy các tiêu chí giáo viên chọn như những chỉ số thực hiện nhiệm vụ sắp xếp lại đồ đạc trong phòng là:

- Tính toán chính xác các phép đo trên mô hình chính xác
- Đánh dấu chính xác trên mô hình
- Thực hiện được các phép đo tốt
- Vẽ đẹp
- Giải thích rõ ràng

Những đặc trưng của một tiêu chí tốt

Một tiêu chí tốt có những đặc trưng sau:

- Được phát biểu rõ ràng
- Ngắn gọn
- Quan sát được
- Mô tả hành vi
- Được viết để sinh viên hiểu được

Hơn nữa phải chắc chắn rằng mỗi tiêu chí là riêng biệt, đặc trưng cho một dấu hiệu của bài thi, tuy nhiên không nên để trùng lặp và khác thứ nguyên trong 1 bộ tiêu chí.

Nên giới hạn số tiêu chí ≥ 3 và ≤ 10 . Ở những đặc trưng cơ bản của nhiệm vụ đó không cần phải đánh giá hết mọi chi tiết. Nhiệm vụ càng đơn giản thì số tiêu chí càng ít.

Bước 4: Xây dựng bản hướng dẫn (Rubric)

Bản hướng dẫn (kèm biểu điểm) là bản cung cấp những miêu tả hoặc các chỉ số thực hiện chi từng mức độ hoàn thành nhiệm vụ ứng với các tiêu chí (đồng thời là điểm số cho các tiêu chí đó ở mức đó).

Như vậy bản hướng dẫn giúp đánh giá chính xác mức độ đạt chuẩn của sinh viên và cung cấp thông tin phản hồi để họ tiến bộ không ngừng.

Các loại bản hướng dẫn

Có 2 loại bản hướng dẫn:

- Bản định tính (tổng hợp – Holistic rubric)
- Bản định lượng (phân tích – Analytic rubric)

Bản hướng dẫn tổng hợp cho phép đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ nói chung mà không đi sâu vào từng chi tiết. Trong trường hợp này mục đích đánh giá là chất lượng sự hoàn thiện của kỹ năng nói chung. Do vậy hình thức đánh giá dùng bản hướng dẫn định tính còn có thể được gọi là đánh giá 1 chiều (Menter, 2001).

Bản hướng dẫn định tính (tổng hợp) giúp giảng viên chấm bài nhanh, phù hợp với các kỳ đánh giá tổng kết. Tuy nhiên, đánh giá kiểu này không cung cấp nhiều thông tin phản hồi cho giảng viên và sinh viên.

Bản hướng dẫn định lượng (phân tích) chia nhiệm vụ thành những bộ phận tách rời nhau và sinh viên định giá trị (bằng điểm số) cho những bộ phận đó. Quá trình chấm bài loại này lâu hơn vì phải phân tích đánh giá từng kỹ năng, từng đặc trưng khác nhau trong bài làm của sinh viên. Tuy nhiên, bản hướng dẫn định lượng này cho phép thu thập nhiều thông tin phản hồi hơn, chi tiết hơn ở từng tiêu chí. Và nếu lưu trữ và xử lý những thông tin này giảng viên sẽ có 1 bộ hồ sơ về điểm mạnh, điểm yếu của từng sinh viên và quá trình tiến bộ của họ.

Độ tin cậy của bản hướng dẫn:

Để đánh giá độ tin cậy của bản hướng dẫn có thể dùng phương pháp thử bằng cách cho 2 người chấm 1 bài hoặc cho 1 người chấm vào 2 thời điểm khác nhau. Nếu điểm số trùng nhau có thể xem bản hướng dẫn là có độ tin cậy. Trong trường hợp ngược lại, cần có sự chỉnh sửa bản hướng dẫn cho phù hợp.

Để xây dựng 1 bản hướng dẫn có chất lượng cần đầu tư kinh phí và tập huấn cho giảng viên kỹ thuật này.

Đánh giá thực có tác động không nhỏ tới quá trình giảng dạy, tới phương pháp dạy học. Trong giờ dạy, giáo viên có thể dùng những dữ liệu thu được qua các kỳ KTĐG để hướng dẫn sinh viên, thậm chí có thể hướng dẫn cách thực hiện 1 bài đánh giá thực. Để hoàn thành bài đánh giá kiểu này cả thầy và trò phải xây dựng 1 chiến lược dạy học sao cho:

- *Khuyến khích các hình thức thể hiện khác nhau như đóng vai, mô phỏng, tranh luận, trình bày, diễn giải...*
- *Cho phép làm việc nhóm giúp sinh viên đóng các vai trò khác nhau và chú ý nhiều hơn tới quá trình nhóm và sản phẩm nhóm.*
- *Tạo điều kiện để sinh viên tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau, tự xác định mục tiêu phấn đấu để đạt chuẩn.*
- *Động viên sinh viên sử dụng kinh nghiệm của cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ trong đời sống thực.*
- *Rèn luyện cho sinh viên khả năng đánh giá mức độ tương quan giữa nỗ lực và hiệu quả.*

- Để sinh viên biết rằng phải tích hợp nhiều kỹ năng khác nhau mới có được những thành công trong học tập cũng như trong cuộc sống sau này.

Kết luận

Đánh giá thực không loại trừ đánh giá truyền thống mà chỉ là sự bổ sung hoàn hảo giúp người dạy cũng như người học gắn kết những kiến thức, kỹ năng được học trong trường với cuộc sống thực, giúp người học có ý thức hơn với những nhiệm vụ mà họ sẽ phải thực hiện khi tốt nghiệp. Quá trình dạy học trong trường cũng nhờ đó mà trở nên sống động hơn, giảng viên sẽ tìm tòi, sáng tạo hơn để tìm ra các bài tập hay, hỗ trợ sinh viên thực hiện các nhiệm vụ đó. Sinh viên sẽ khát khao hơn trong quá trình tiếp nhận tri thức, rèn luyện kỹ năng để làm một việc có ý nghĩa hơn ngay từ khi còn trên ghế nhà trường.

Đương nhiên để có thể thiết kế được 1 bộ hồ sơ đánh giá kết quả học tập của sinh viên (trong đó có những bài đánh giá thực), để đánh giá thực sự là vì sự tiến bộ không ngừng của người học, phải đầu tư thời gian, tiền bạc. Nhưng để giáo dục đại học đào tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn mới, các nhà hoạch định chính sách, các nhà trường, các giảng viên phải dành ưu tiên thích đáng cho KTĐG thực này.

Để thực hiện được kiểu đánh giá thực trong phạm vi toàn trường, người lãnh đạo phải thể hiện quyết tâm chính trị của mình, hỗ trợ giảng viên, sinh viên thay đổi cách dạy, cách học, loại bỏ cách KTĐG theo những mục tiêu hạn hẹp, lạc hậu.

Đổi mới KTĐG phải bắt đầu từ việc xác lập những mục tiêu học tập gắn chặt với đời sống thực, rồi từ đó phát triển đội ngũ, đổi mới chương trình, tài liệu học tập. Đây là công việc khó, phải tiến hành trong thời gian dài, tốn nhiều công sức, nhưng đã đến lúc phải bắt đầu!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thomas A. Angelo, K Patricia Cross. *Classroom Assessment Techniques*. San Fransisco 1993.
2. *Authentic Assessment Toolbook*. Created by Jon Mueller.